

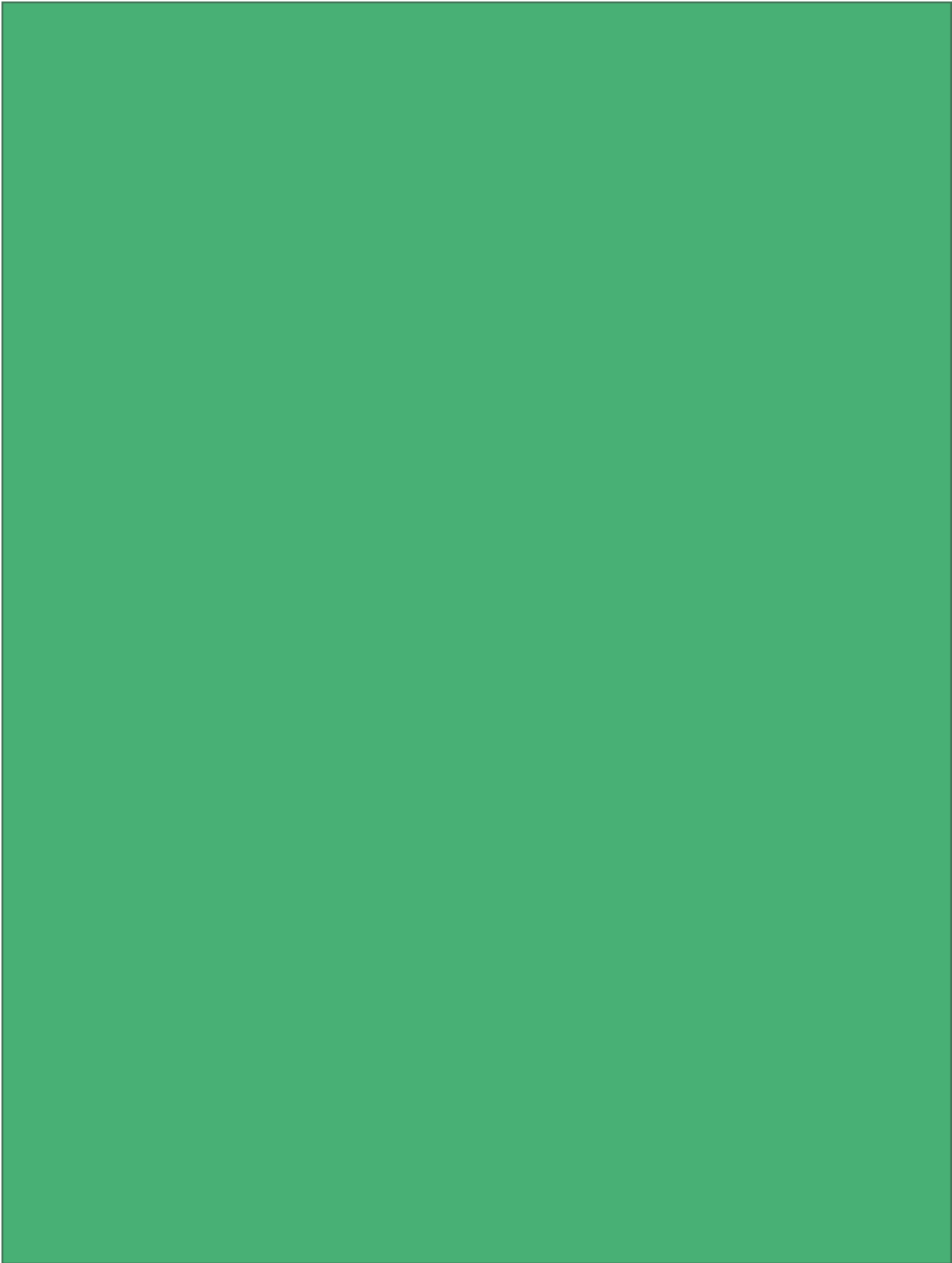
A.ĐẠI CƯƠNG



36. BN nữ 42 tuổi, đã QHTD, đến tầm soát UT, các loại UT bạn thực hiện tầm soát cho BN này là:

- ☒ A. Vú, CTC ←
- ☐ B. Vú, CTC, đại tràng
- ☐ C. Vú, CTC, tuyến giáp

D. Vú, CTC, đại tràng, tuyến giáp



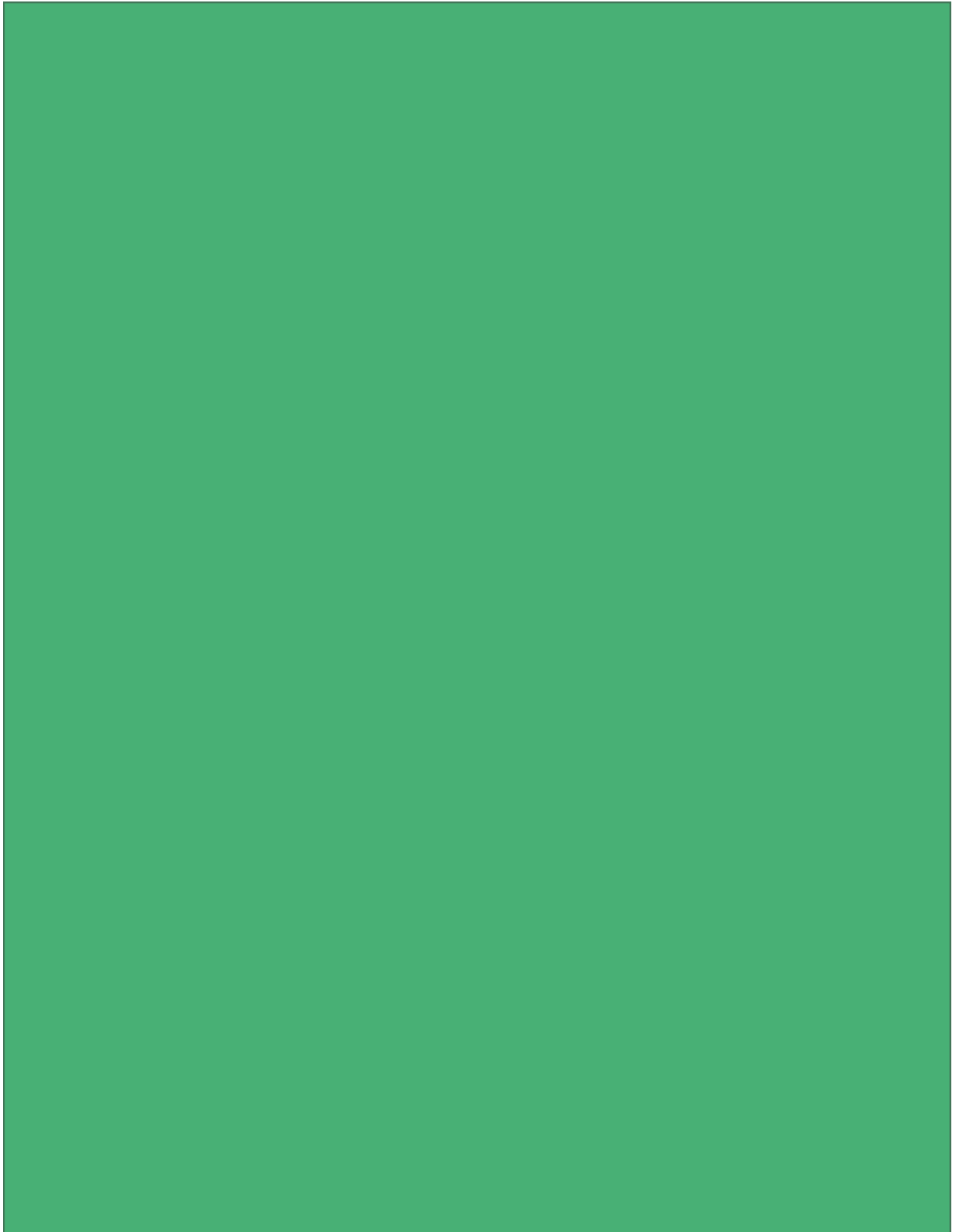
24. Loại ung thư thường di căn não nhất?

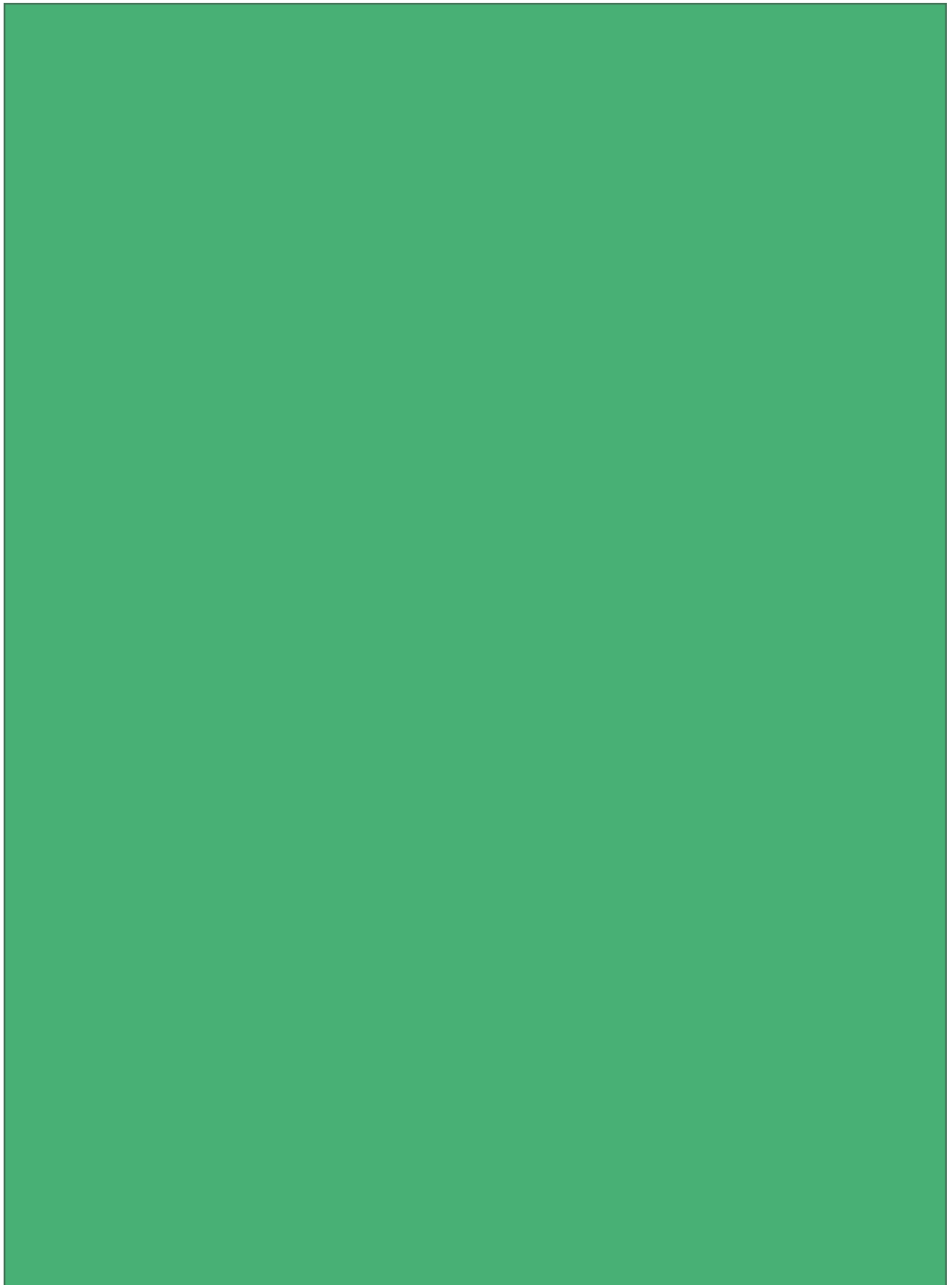
A. Luminal A

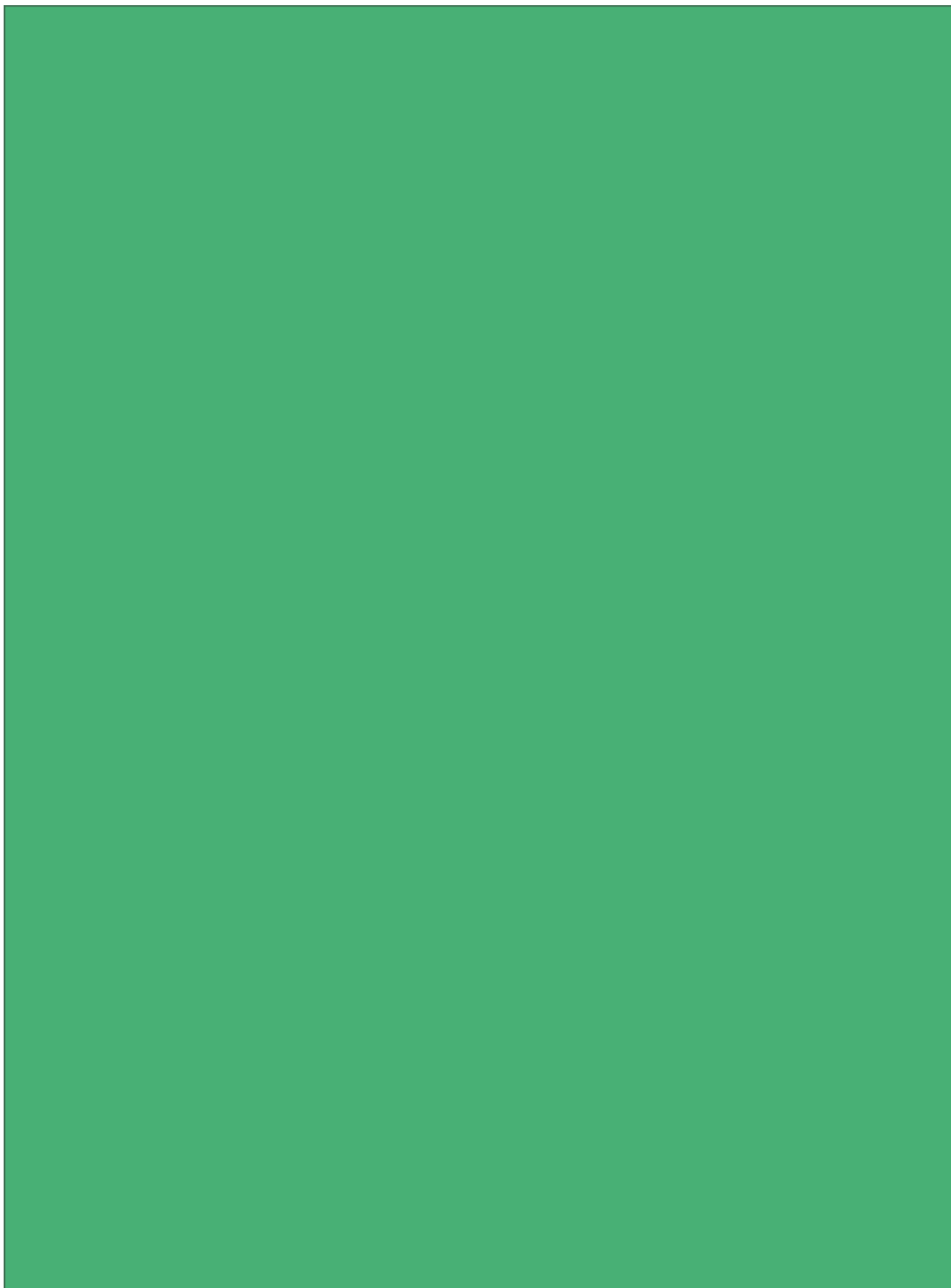
B. Luminal B

☒ C. Tam âm hoặc Her2+

Câu 2: Mẹ bị ung thư vú, người con đi tầm soát hằng năm. Hỏi dự phòng bậc mấy?







C.PHU KHOA

23. Nguy cơ UT vú suốt đời của một người phụ nữ

☒ A. 12%

B. 24%

37. Nguyên nhân của UT CTC:

☒ A. HPV nguy cơ cao

B. HPV nguy cơ thấp

C. HSV

38. UT CTC ít xâm lấn cơ quan nào?

A. Túi cùng

B. Chu cung

☒ C. Trực tràng

D. Thân tử cung

39. Phương tiện nào được làm trong tầm soát UT CTC?

A. Soi cổ tử cung

B. Khám phụ khoa

☒ C. HPV DNA

D. Sinh thiết CTC

40. Bn nữ, 40 tuổi, đã tầm soát UT CTC bằng HPV và PAP. Cả 2 kết quả đều bình thường, khi nào BN này cần tầm soát lại?

A. 3 năm

☒ B. 5 năm



C. Carcinom tuyến dạng nội mạc

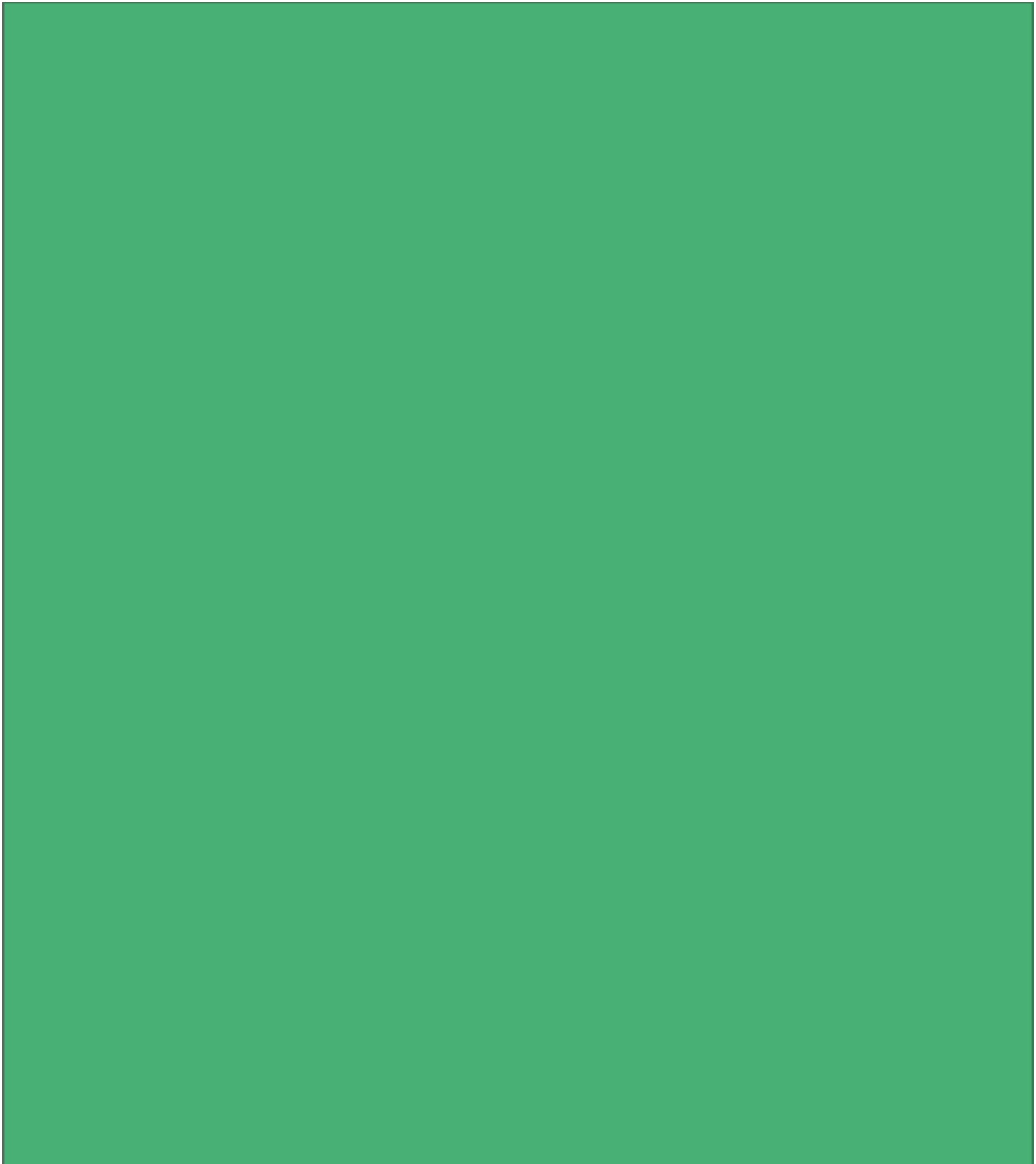
D. Carcinom tuyến tế bào sáng

42. UT nào không cần giải phẫu bệnh để chẩn đoán xác định?

A. Gan

ủa gan cũng đâu cần?

B. Buồng trứng ←



33. BN nữ, ra huyết âm đạo bất thường, khám phụ khoa không thấy bất thường, cần lâm sàng đầu tay:

☒ A. Siêu âm bụng

B. CT

C. MRI

D. Pap smear

35. Vị trí xuất phát của bướu trong UT CTC?

☒ A. Vùng chuyển tiếp

B. Cổ trong

C. Cổ ngoài

24. Hạch nào thường bị di căn trong UT vú:

☒ A. Nách I

B. Nách II

C. Rotter

D. Vú trong

25. BN UT vú có đau đầu, yếu liệt, phân nhóm sinh học nào có thể nhất:

☒ A. Tam âm và HER2 (+)

B. Luminal A

C. Luminal B

26. BN UT vú không đồng ý phẫu thuật đoạn nhũ, mong muốn bảo tồn vú, trước khi hóa trị tiền phẫu, nên làm gì cho BN:



☒ A. MRI vú ←

B. Sinh thiết

C. Nhũ ảnh

27. BN 65 tuổi, loét núm vú lâu lành, cận lâm sàng nào là ưu tiên?

A. Nhũ ảnh

☒ B. Siêu âm

C. MRI ←

D. Core biopsy



28. BN 30 tuổi, UT vú, hóa mô miễn dịch có HER2 (-), điều trị nào không thể thực hiện?

A. Hóa trị

B. Xạ trị

C. Nội tiết

☒ D. Liệu pháp nhắm trúng đích



15. Yếu tố nguy cơ của ung thư cổ tử cung, nội mạc tử cung là:

- A. Có kinh sớm
- B. Mãn kinh sớm
- C. Sử dụng thuốc tránh thai kéo dài
- ☒ D. Sinh nhiều con

